

Bản án số: **91** /2020/DS-ST

Ngày: 21/8/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Ngọc Tuấn

Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liên

Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Mạnh Hà – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2020, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 56/TLST-DSST ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXX – DS, ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcombank);
Địa chỉ: Số 22 Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Lâm – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Quang Huy (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông T, sinh năm 1985

2.2. Bà T, sinh năm 1985

HKTT: Tổ 2, khu Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai, hChương Mỹ, Hà Nội

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa; Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

1 . Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

- Ngày 29/08/2013, Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh Hà Nội, nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) với ông T và bà Đỗ Thị

Thanh Thủy đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 3108/2013/HĐTD-CN.HN (sau đây viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”), với nội dung cơ bản như sau:

- Số tiền vay: 840.000.000 VND (Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi triệu);
- Mục đích: Vay mua nhà
- Thời hạn vay: 108 tháng kể từ ngày nhận nợ

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng cho ông Trung, bà Thùy số tiền 840.000.000đ

Ngày 30/08/2013, Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh Hà Nội, nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) đã thực hiện giải ngân cho ông T và bà Đỗ Thị Thanh Thủy số tiền 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Đối với tài sản đảm bảo đứng tên cá nhân bà Lê Thị Bích Hạnh: Ngày 12/08/2014, PVcomBank gửi thông báo số 8818/PVB-XLN tới khách hàng và bên bảo đảm về việc thu giữ TSBĐ. Thực hiện thông báo ngày 19/08/2014, ông Đỗ Hồng Thanh và bà Lê Thị Bích Hạnh đã bàn giao tài sản theo Biên bản bàn giao tài sản bảo đảm cho ngân hàng xử lý.

Sau khi nhận bàn giao TSBĐ của khách hàng, ngân hàng đã tiến hành các thủ tục bán đấu giá và thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Số tiền PVcomBank thu hồi được từ việc bán tài sản là 449.300.000 đồng. Trong đó, số tiền thu được nêu trên sau khi trừ đi các chi phí đấu giá và chi phí trông giữ TSBĐ, ngân hàng xác định ông T và bà T thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho PvcomBank thông qua việc bán đấu giá tài sản, cụ thể: Nợ gốc đã trả: 336.565.386 đồng; Nợ lãi đã trả: 15.440.772 đồng; Tổng nợ đã trả: 352.006.158 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông Trung, bà Thùy phải trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 19/8/2020 là: 1.536.017.715 đồng; Trong đó gồm: Nợ gốc: 503.434.614 đồng; Nợ lãi trong hạn: 410.265.408 đồng; Nợ lãi quá hạn: 622.317.694 đồng.

Kể từ ngày 20/8/2020 ông Trung, bà Thùy tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

II. Bị đơn bà T quá trình giải quyết tại Tòa án có trình bày: Năm 2013 bà Thùy cùng chồng là ông T có vay tiền ngân hàng Đại chúng Việt Nam số tiền gốc 840.000.000đ để sử dụng việc gia đình. Để vay được tiền thì ông bà có thể chấp tài sản là thửa đất số 257, tờ bản đồ số 05 tại thôn Cổ Thổ, xã Hòa Sơn, huyện

Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình đứng tên chủ sử dụng là bà Lê Thị Bích Hạnh (mẹ đẻ bà Thùy).

Sau đó thì điều kiện làm ăn gặp khó khăn nên chưa trả hết nợ ngân hàng nên ông bà cùng bà Hạnh đã bán giao tài sản đảm bảo cho ngân hàng bán để cân trừ khoản nợ. Sau khi ngân hàng bán thì đã cân trừ tổng số tiền nợ của ông bà là 352.006.158đ, trong đó gồm: 336.565.386đ nợ gốc, còn lại là cân trừ vào lãi. Ông bà còn 503.434.614đ nợ gốc. Sau đó thì điều kiện kinh tế hoàn cảnh khó khăn nên ông Trung, bà Thùy không có khả năng trả được số nợ còn lại cho ngân hàng, và cũng không còn tài sản nào khác.

Quan điểm nguyện vọng ông Trung đề nghị ngân hàng xin được giãn nợ để có điều kiện trả nợ dần.

Đối với bị đơn còn lại là ông T không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đối với ông Trung, bà Thùy theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng là: 1.536.017.715 đồng gồm gốc và lãi phát sinh.
- Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là ông T, bà T cư trú tại: Khu Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Việc Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình Tòa án tiến hành xét xử, tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành theo thủ tục chung xét xử vắng mặt ông Trung, bà Thùy.

[2]. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của Hợp đồng cho vay số 3108/2013/HĐTD-CN.HN ngày 29/8/2013. Hợp đồng giải ngân cho ông Trung, bà Thùy vay 840.000.000đ. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định Hợp đồng cho vay số 3108/2013/HĐTD-CN.HN ngày 29/8/2013 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thoả thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam đã giải ngân cho ông Trung, bà Thùy vay đủ số tiền 840.000.000 đồng, ông Trung, bà Thùy đã nhận đủ thông qua khế ước nhận nợ ngày 30/8/2013. Như vậy Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông Trung, bà Thùy mới trả được 336.565.386 đồng nợ gốc và 15.440.772 đồng nợ lãi thông qua việc bàn giao tài sản cho ngân hàng tự bán và cản trừ một phần khoản nợ. Đến nay ông Trung, bà Thùy không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số nợ còn lại theo các kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy ông Trung, bà Thùy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam khởi kiện đề nghị buộc ông Trung, bà Thùy phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, buộc ông T, bà T phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ cả gốc và lãi phát sinh của khoản vay tính đến 19/8/2020 là: 1.536.017.715 đồng; Trong đó gồm: Nợ gốc: 503.434.614 đồng; Nợ lãi trong hạn: 410.265.408 đồng; Nợ lãi quá hạn: 622.317.694 đồng.

Kể từ ngày 20/8/2020, ông Trung, bà Thùy phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông T, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 280, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 352, 353, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông T, bà T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 19/8/2020 là 1.536.017.715 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 503.434.614 đồng; Nợ lãi trong hạn: 410.265.408 đồng; Nợ lãi quá hạn: 622.317.694 đồng.

Kể từ ngày 20/8/2020 ông T, bà T phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí:

3.1. Buộc ông T, bà T phải chịu 58.080.531 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Trả lại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam 23.842.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004697 ngày 04 tháng 5 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Ngọc Tuấn